

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

ThS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

Bộ Công an

## 1. Đặt vấn đề

Ngày 04/11/2013, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Một trong những nội dung quan trọng trong quan điểm chỉ đạo xác định: “*Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lí luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội*”. Đồng thời, Nghị quyết cũng xác định đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học, “*tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn*” [1]. Điều đó xuất phát từ nguyên nhân giáo dục còn nặng về lí thuyết, coi nhẹ thực hành; đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội; dẫn đến năng lực của người học chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, chậm bắt nhịp với các công việc sau khi tốt nghiệp.

Với quan điểm chỉ đạo trên, việc nâng cao kiến thức, năng lực thực tiễn cho người học là một đòi hỏi bức thiết đối với giáo dục nói chung và đào tạo đại học nói riêng. Để đáp ứng được yêu cầu này, đòi hỏi phải thay đổi từ quan điểm đến cách thức tổ chức quá trình giáo dục, đào tạo thể hiện ở đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục; đào tạo phải gắn liền với thực tiễn, với nhu cầu sử dụng nhân lực lao động của xã hội.

Quán triệt quan điểm trên, thực tập tốt nghiệp (TTTN) phải được xem là một khâu cơ bản, trọng yếu trong quá trình đào tạo. Giai đoạn TTTN là giai đoạn người học không chỉ áp dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn, mà là quá trình trải nghiệm thực tiễn, nâng cao, phát triển năng lực và phẩm chất chuyên môn, nghiệp vụ, nhân cách nghề nghiệp của sinh viên.

Thực tế cho thấy, nhiều sinh viên tốt nghiệp ra trường mặc dù có kiến thức lí luận tốt nhưng năng lực thực tiễn còn yếu kém. Đó cũng là nguyên nhân của tình trạng các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, nơi sử dụng lao động đặt ra yêu cầu điều kiện về kinh nghiệm làm việc khi tuyển lao động. Điều đó đặt ra vấn đề nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo phải phù hợp với yêu cầu thực tiễn. TTTN của sinh viên phải được coi trọng và thực hiện có chất lượng, hiệu quả góp phần nâng cao năng lực hành nghề và kinh nghiệm thực tiễn cho sinh viên.

## 2. Một số khái niệm

### 2.1. Thực hành và thực tập

*Thực hành* là “làm để áp dụng lí thuyết vào thực tế” [2], thực hành chỉ việc người học vận dụng điều đã được học để tập làm một việc nào đó trong thực tế. Như vậy, khái niệm thực hành được dùng để diễn tả việc người học tập trực tiếp làm một việc hoặc tìm hiểu một vấn đề trong thực tế ngay sau khi kết thúc một nội dung cụ thể

trong quá trình học với mục đích củng cố lí thuyết và làm quen với một công việc trong thực tế dưới sự điều khiển, hướng dẫn của người dạy. Thực hành luôn gắn liền với các bài học hoặc kiến thức cụ thể mà người học cần hiểu và nắm bắt ngay cách thức thực hiện trong thực tế.

*Thực tập* là “tập làm trong thực tế để áp dụng và củng cố kiến thức, lí thuyết, trau dồi thêm về nghiệp vụ, chuyên môn” [2]. Khái niệm thực tập thường được dùng để chỉ việc người học vận dụng những kiến thức đã được học vào làm trong thực tế. Nhiều ngành nghề, nhất là ngành kĩ thuật, công nghệ, việc thực hành, thực tập được tiến hành thường xuyên.

Có thể thấy, khái niệm thực hành và thực tập có nghĩa gần giống nhau, cùng chỉ việc người học áp dụng kiến thức đã được học vào làm trong thực tế. Tuy nhiên, thực hành có tính đơn lẻ, là sự vận dụng nội dung bài học cụ thể vào tập làm trong thực tiễn, thực hành gắn liền với nội dung bài học và thường được thực hiện ngay sau khi kết thúc hoặc thực hiện song hành với nội dung bài học. Thực tập chỉ cấp độ cao hơn, đa dạng và phức tạp hơn, người học phải vận dụng tổng hợp kiến thức đã được học vào làm các công việc khác nhau, phù hợp với nội dung kiến thức đã được học trong một giai đoạn nhất định. Thực tập còn mang tính khảo nghiệm tri thức nghề nghiệp, người học vừa tập làm, vừa so sánh, kiểm nghiệm kiến thức lí thuyết trong thực tiễn, từ đó nâng cao kiến thức, năng lực nghề nghiệp. Khác với thực hành, thực tập đòi hỏi ở người học ít nhiều sự vận dụng sáng tạo những kiến thức lí thuyết đã được học vào thực tiễn và phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

### 2.2. TTTN

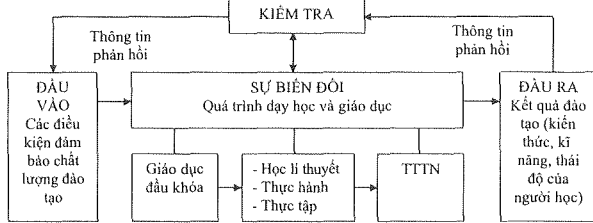
TTTN là vận dụng kiến thức đã được trang bị trong toàn bộ quá trình học tập tại trường vào làm việc trong thực tế ở giai đoạn cuối của quá trình đào tạo, giúp cho người học hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất đạo đức, tác phong lao động theo yêu cầu công việc phù hợp với lĩnh vực nghiệp vụ chuyên môn và được quy định trong chương trình đào tạo.

So sánh về thời gian, nội dung, hình thức, TTTN có cấp độ cao nhất, toàn diện và tổng hợp hơn so với thực hành và thực tập. Đây là giai đoạn chuẩn bị cuối cùng có mục đích kiểm tra kiến thức lí luận và nâng cao năng lực thực tiễn cho người học trước khi ra trường làm việc với tư cách là người lao động chuyên môn, nghề nghiệp hoàn chỉnh đã được đào tạo theo một chương trình phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. TTTN đòi hỏi mức độ sáng tạo cao trong việc vận dụng kiến thức lí thuyết vào làm trong thực tế. Sự sáng tạo đó thể hiện ở việc sinh viên phải vận dụng linh hoạt, tổng hợp các kiến thức lí thuyết để giải quyết, xử lí một hoặc nhiều hoạt động cụ thể của công việc. TTTN còn giúp sinh viên hiểu biết về vai trò, vị trí sẽ làm việc và các mối quan hệ trong

tổ chức; tích lũy thêm kinh nghiệm thực tiễn để thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp và các mối quan hệ xã hội phức tạp trong đời sống...

Có thể khái quát vị trí của thực hành, thực tập và TTTN trong mô hình 1:

Mô hình 1: Quá trình đào tạo của nhà trường [3]



**3. Các thành tố cơ bản của TTTN**

**3.1. Nhà trường:** là cơ sở đào tạo đóng vai trò là cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức hoạt động TTTN của sinh viên, thể hiện ở việc xác định mục tiêu, yêu cầu, xây dựng chương trình, nội dung, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch TTTN cho sinh viên.

**3.2. Giáo viên hướng dẫn TTTN:** là giảng viên đang giảng dạy trong các trường, là người có kiến thức, hiểu biết về lĩnh vực ngành nghề đào tạo. Trong hoạt động TTTN, giáo viên hướng dẫn là người trợ giúp, thể hiện qua vai trò cố vấn, hỗ trợ kiến thức, giải đáp những vướng mắc về lí luận cho sinh viên trong quá trình TTTN, trong đó có nhiều vấn đề thực tế mới nảy sinh chưa được tổng kết thành lí luận. Trong TTTN, giáo viên hướng dẫn giữ vai trò định hướng trong tổ chức, đôn đốc, kiểm tra quá trình TTTN của sinh viên. Giáo viên hướng dẫn còn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình sinh viên TTTN.

**3.3. Cơ sở TTTN:** là cơ quan, tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp với lĩnh vực đào tạo của nhà trường, là nơi cung cấp cơ hội và tiếp nhận sinh viên thực tập, giúp cho sinh viên áp dụng kiến thức lí thuyết vào tập làm trong thực tiễn, từ đó trau dồi, nâng cao năng lực nghiệp vụ, kĩ năng, phẩm chất đạo đức, tác phong nghề nghiệp... Cơ sở TTTN còn có trách nhiệm chọn cử cán bộ, nhân viên trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo sinh viên tập làm các công việc trong thực tiễn theo nội dung, kế hoạch TTTN đã xác định.

**3.4. Người hướng dẫn TTTN:** là cá nhân thuộc các tổ chức, cơ quan hoạt động trong các lĩnh vực phù hợp với lĩnh vực nghề nghiệp sinh viên được đào tạo. Người hướng dẫn thực tập là người trực tiếp điều khiển, tổ chức mọi hoạt động của sinh viên trong thời gian thực tập, TTTN. Người hướng dẫn TTTN là người chỉ bảo, hướng dẫn sinh viên làm các công việc và trải nghiệm trong thực tế; giúp cho sinh viên trải qua giai đoạn từ mơ tưởng về hoạt động, về công việc đến có thể làm và làm tốt hoạt động, công việc đó. Trong hoạt động TTTN, người hướng dẫn đóng vai trò chính trong việc biến tri thức, kiến thức lí thuyết của sinh viên thành kĩ năng, năng lực thực tiễn, hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp trong một lĩnh vực nhất định.

**3.5. Sinh viên TTTN:** là người học đã hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo lí thuyết về một lĩnh vực nghề nghiệp ở các trường đại học. Trong TTTN, sinh viên là trung tâm, là người trực tiếp thực hiện các hoạt động, các công việc cụ thể theo mục tiêu, nội dung, kế hoạch TTTN của nhà trường đề ra. Tất cả các thành tố khác trong TTTN đều hướng tới mục tiêu giúp cho sinh viên nâng cao năng lực thực tiễn, trau dồi kinh nghiệm, tiếp cận và thu hẹp khoảng cách giữa lí thuyết hàn lâm với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

**3.6. Mục tiêu TTTN:** là cái đích cần đạt được của hoạt động TTTN, nhằm giúp cho sinh viên nâng cao năng lực thực tiễn, kĩ năng hoạt động nghề nghiệp; dần tiếp cận và thỏa mãn yêu cầu sử dụng nhân lực của thị trường lao động. Mục tiêu của TTTN được xác định theo mục tiêu đào tạo, có chức năng chỉ dẫn, định hướng và là căn cứ để xây dựng nội dung, phương pháp TTTN; đồng thời là căn cứ để xác định nội dung, hình thức đánh giá kết quả TTTN của sinh viên.

**3.7. Nội dung TTTN:** là tổng hợp các hoạt động, các công việc, nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện, phải hoàn thành trong quá trình TTTN. Nội dung TTTN được xây dựng phù hợp với những kiến thức, kĩ năng, năng lực, thái độ của sinh viên cần đạt được theo mục tiêu đã đặt ra và tập trung ở những khía cạnh sau:

- Các công việc thuộc lĩnh vực nghiệp vụ chuyên môn phải hoàn thành;
- Những quan hệ ứng xử trong khi thực hiện nhiệm vụ phải xử lí;
- Phẩm chất đạo đức, thái độ, hành vi cần thiết phải trau dồi, rèn luyện.

**3.8. Phương thức TTTN:** là cách thức thực hiện quá trình TTTN, là các loại hình hoạt động đa dạng của giảng viên, người hướng dẫn và sinh viên nhằm chuyển hóa những yêu cầu, năng lực, kĩ năng, phẩm chất của sinh viên. Phương pháp TTTN được xem là cách thức tác động qua lại giữa giảng viên, người hướng dẫn và sinh viên nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, yêu cầu, nội dung TTTN.

**3.9. Phương tiện, điều kiện đảm bảo TTTN:** là các yếu tố đảm bảo cho hoạt động TTTN được thực hiện đúng với nội dung, kế hoạch đề ra đạt yêu cầu về chất lượng, hiệu quả. Phương tiện TTTN là công cụ, trang thiết bị, vật dụng mà trong quá trình TTTN sinh viên phải học cách sử dụng hoặc sử dụng để thực hiện các hoạt động, các công việc theo nội dung TTTN. Điều kiện đảm bảo là các yếu tố về vật chất, tinh thần cần thiết phục cho hoạt động TTTN như kinh phí, chế độ chính sách, điều kiện, môi trường cho hoạt động TTTN của học viên và hoạt động hướng dẫn của giảng viên, của người hướng dẫn.

**3.10. Kết quả TTTN:** là sản phẩm đạt được sau khi kết thúc, hoàn thành TTTN; thể hiện ở năng lực nghiệp vụ, kĩ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức, thái độ, tác phong... của sinh viên được hình thành, trau dồi, cải thiện so với trước khi TTTN. Kết quả TTTN phải thỏa mãn các mục tiêu, yêu cầu của TTTN. Mức độ thỏa mãn các mục tiêu, yêu cầu là thước đo đánh giá chất lượng, hiệu quả, mức độ thành công của hoạt động TTTN.

Các thành tố của TTTN tác động lẫn nhau, tạo thành

(Xem tiếp trang 39)